

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST

Ngày 12-6-2020

V/v đòi nợ (tiền)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nông Văn Bằng

Ông Hoàng Văn Đạo

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lệ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Quỳnh - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc "Đòi nợ (tiền)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình K, sinh năm 1978.

Đại chỉ: Tổ 2, Ao V, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Hữu C, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lương Thị T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Đình K trình bày:*

Trong năm 2018, 2019 anh Nguyễn Đình K có quan hệ làm ăn, nhận cung cấp vật liệu bán mái tôn cho anh Hoàng Hữu C, trú tại thôn B, hiện nay là thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình anh cung cấp vật liệu cho anh Hoàng Hữu C đến ngày 26/4/2019 anh C còn nợ anh số tiền vật liệu là 112.

994.000 đồng (Một trăm mười hai triệu, chín trăm chín mươi tư nghìn). Những lần cung cấp vật liệu bán mái tôn cho anh C, anh K đều ghi vào sổ số lượng hàng, giá trị tiền và số tiền anh C còn nợ anh, có xác nhận bằng chữ ký của anh C vào sổ của anh. Cụ thể số lần anh C nợ tiền và trả tiền anh K ghi trong sổ như sau:

Số lần nợ:

- Ngày 26/9/2018 nợ 91.962.000 đồng
- Ngày 03/10/2018 nợ 12.575.000 đồng
- Ngày 16/10/2018 nợ 13.226.000 đồng.
- Ngày 09/11/2018 nợ 7.486.000 đồng.
- Ngày 28/11/2018 nợ 17.461.000 đồng.
- Ngày 29/11/2018 nợ 7.325.000 đồng.
- Ngày 25/01/2019 nợ 3.265.000 đồng
- Ngày 26/3/2019 nợ 4.890.000 đồng
- Ngày 01/4/2019 nợ 8.148.000 đồng
- Ngày 02/4/2019 nợ 13.994.000 đồng.
- Ngày 11/4/2019 nợ 5.406.000 đồng
- Ngày 22/4/2019 nợ 4.806.000 đồng.

Tổng số nợ là 190.544.000 đồng.

Số lần trả:

- Ngày 31/9/2018 trả 12.000.000 đồng
- Ngày 14/10/2018 trả 10.000.000 đồng
- Ngày 06/11/2018 trả 10.000.000 đồng.
- Ngày 25/01/2019 trả 10.000.000 đồng.
- Ngày 01/02/2019 trả 20.000.000 đồng
- Ngày 26/3/2019 trả 5.000.000 đồng
- Ngày 14/4/2019 trả 10.000.000 đồng.

Tổng số tiền đã trả: 77.000.000 đồng

Thực tế anh Hoàng Hữu C còn nợ anh số tiền 113.544.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình cộng sổ, do tính sai nên khi chốt sổ (ngày 26/4/2019) anh chỉ ghi anh C còn nợ anh số tiền là 112.994.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Đình K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Hoàng Hữu C có trách nhiệm trả anh số tiền 112.994.000 đồng, anh không yêu cầu trả lãi suất.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Đình K chỉ yêu cầu anh Hoàng Hữu C phải có trách nhiệm trả anh số tiền nợ tính đến ngày 14/4/2019 là 108.188.000 đồng vì số tiền nợ phát sinh 4.806.000 đồng ngày 22/4/2019 anh có ghi trong sổ nhưng

không có xác nhận bằng chữ ký của anh C nên anh chỉ yêu cầu anh C phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ tính đến ngày 14/4/2019 là 108.188.000 đồng (Một trăm linh tám triệu, một trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Việc anh Hoàng Hữu C cho rằng vào cuối năm 2018 vợ anh C là chị Lương Thị T còn được trả nợ hộ anh C số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và vào đầu năm 2019 anh C còn được trả cho anh 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nhưng anh chưa trừ nợ cho anh C, vì vậy anh C hiện nay chỉ còn nợ anh số tiền khoảng 80.000.000 đồng là không đúng. Vào cuối năm 2018 anh không được nhận số tiền số tiền 30.000.000 đồng nào từ vợ anh C là chị Lương Thị T. Còn số tiền 10.000.000 đồng đầu năm 2019 anh C trả, cụ thể vào ngày 14/4/2019 anh đã ghi vào sổ và đã trừ công nợ cho anh C.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hoàng Hữu C trình bày:*

Anh và anh Nguyễn Đình K có quan hệ làm ăn với nhau, trong năm 2018, 2019 anh lấy vật liệu bần mái tôn với anh K. Hiện nay anh K cho rằng anh còn nợ 112.994.000 đồng anh không nhất trí mà anh chỉ còn nợ anh K khoảng 80.000.000 đồng. Vì ngoài những lần anh đã trả nợ cho anh K, được anh K ghi trong sổ thì anh còn được trả cho anh K thêm hai lần nữa nhưng anh K không ghi vào sổ và trừ nợ cho anh. Cụ thể, một lần vào khoảng cuối năm 2018 (anh không nhớ rõ ngày tháng) anh được đưa cho vợ anh là chị Hoàng Thị T 30.000.000 đồng để trả cho anh K, lần thứ hai là vào đầu năm 2019 (anh không nhớ rõ ngày tháng) được trả cho anh K 10.000.000 đồng, cả hai lần trả nợ trên anh đều không viết giấy tờ gì.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh không đến Tòa án tham gia tố tụng vì anh muốn với anh K tự thỏa thuận giải quyết với nhau và vì anh với anh K chưa đối chiếu khớp được số nợ với nhau.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lương Thị T trình bày:*

Chị là vợ của anh Hoàng Hữu C, cuối năm 2018 chị có được chồng là anh Hoàng Hữu C đưa cho số tiền 30.000.000 đồng để trả tiền cho anh K (chị không nhớ rõ ngày tháng). Ngày hôm đó anh K đi giao hàng về qua nhà chị gọi điện cho chồng chị trả tiền hàng. Chị đã cầm 30.000.000 đồng đưa cho anh K, khi đó anh K ngồi trên xe ô tô đỗ ở ngoài cửa nhà chị, không vào nhà nên lúc đó không có ai chứng kiến, lúc trả tiền chị không viết giấy tờ gì. Số tiền chị đưa cho anh K đều có mệnh giá là 500.000 đồng, tổng cộng là 30.000.000 đồng. Hiện nay anh K cho rằng anh C còn nợ 112.994.000 đồng và yêu cầu anh C trả số tiền trên chị không nhất trí, chị không có tài liệu, chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, thủ tục phiên tòa được thực hiện đúng, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy

đủ về thủ tục phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Đình K. Buộc anh Hoàng Hữu C phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 108.188.000 đồng. Về án phí, buộc bị đơn anh Hoàng Hữu C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Nguyễn Đình K khởi kiện yêu cầu anh Hoàng Hữu C trả tiền nợ. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Đòi nợ (tiền)" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Hữu C có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, hiện nay là thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập, thông báo cho các đương sự yêu cầu viết bản khai theo quy định, cung cấp tài liệu chứng cứ và tham gia phiên họp và phiên hòa giải. Bị đơn anh Hoàng Hữu C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lương Thị T vắng mặt tại phiên tòa lần hai, không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy: Trong năm 2018, 2019 anh Nguyễn Đình K và anh Hoàng Hữu C có quan hệ làm ăn với nhau, anh Nguyễn Đình K là người cung cấp vật liệu bán mái tôn cho anh Hoàng Hữu C, đến ngày 14/4/2019 anh C còn nợ anh số tiền 108.188.000 đồng (Một trăm linh tám triệu, một trăm tám mươi tám nghìn đồng), trong sổ có xác nhận bằng chữ ký của anh C. Đến ngày 22/4/2019, anh C tiếp tục lấy hàng với anh K, số tiền hàng phát sinh là 4.806.000 đồng (Bốn triệu tám trăm linh sáu nghìn đồng). Tổng cộng đến ngày 26/4/2019 anh C nợ anh số tiền 112.994.000 đồng (Một trăm mười hai triệu, chín trăm chín mươi tư nghìn đồng), trong sổ không có chữ ký nhận của anh C đối với số nợ phát sinh ngày 22/4/2019. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Đình K chỉ yêu cầu anh Hoàng Hữu C trả anh số tiền còn

nợ tính đến ngày 14/4/2019 là 108.188.000 đồng (Một trăm linh tám triệu, một trăm tám mươi tám nghìn đồng), không yêu cầu trả lãi

[4] Bị đơn anh Hoàng Hữu C thừa nhận có nợ tiền hàng của anh Nguyễn Đình K, tuy nhiên không phải số tiền 112.994.000 đồng mà anh chỉ nợ khoảng 80.000.000 đồng. Cả anh Hoàng Hữu C và chị Lương Thị T đều cho rằng vợ chồng anh đã được trả nợ cho anh K một lần vào cuối năm 2018 (không nhớ ngày tháng) với số tiền là 30.000.000 đồng, lần thứ hai vào đầu năm 2019 (không nhớ ngày tháng) với số tiền là 10.000.000 đồng, nhưng cả anh C và chị T đều không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh về việc anh C đã trả cho anh K số tiền trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn anh Hoàng Hữu C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị T.

[5] Do đó, có căn cứ cho rằng, từ ngày 14/4/2019 đến nay, anh Hoàng Hữu C còn nợ anh Nguyễn Đình K số tiền 108.188 000 đồng (Một trăm linh tám triệu, một trăm tám mươi tám nghìn đồng).

[6] Căn cứ vào Điều 274, 275; 280 Bộ luật dân sự 2015, chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Đình K, buộc bị đơn anh Hoàng Hữu C phải thanh toán cho anh Nguyễn Đình K số tiền nợ là 108.188 000 đồng (Một trăm linh tám triệu, một trăm tám mươi tám nghìn đồng).

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị đơn anh Hoàng Hữu C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận số tiền 108.188.000 đồng (Một trăm linh tám triệu, một trăm tám mươi tám nghìn đồng) là 5.409.400 đồng (Năm triệu, bốn trăm linh chín nghìn bốn trăm đồng). Anh Nguyễn Đình K được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.825.000 đồng (Hai triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2012/05765 ngày 02/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 274, 275; 280; 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Đình K. Buộc bị đơn anh Hoàng Hữu C phải thanh toán cho anh Nguyễn Đình K số tiền nợ là 108.188 000 đồng (Một trăm linh tám triệu, một trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc bị đơn anh Hoàng Hữu C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 5.409.400 đồng (Năm triệu, bốn trăm linh chín nghìn bốn trăm đồng). Anh Nguyễn Đình K được trả lại số tiền tạm ứng án phí 2.825.000 đồng (Hai triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2012/05765 ngày 02/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Đình K có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Hoàng Hữu C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lương Thị T vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Dương Thị Ngọc